

Bảng ghi điểm học phần
Học kỳ 2 - Năm học 2018-2019

Tên môn học: CNTT ứng dụng trong QL TN-MT Mã môn học/ mã nhóm: ITC03003/02 Số tín chỉ: 2

Tên Giảng viên: Phan Trọng Tiến

Mã Giảng viên: CNP05

STT	Mã SV	Họ tên		Ngày sinh	Tên Lớp	Chuyên cần	Kiểm tra	Thi	Ghi chú
1	623161	Nguyễn Thế	Anh	28/12/99	K62TYC	10	5	5.46	
2	623038	Cao Thị	Bằng	13/11/99	K62TYB	8	8	6.1	
3	623064	Hoàng Thị	Chi	21/06/98	K62TYB	10	5	5.4	
4	622931	Phạm Quang Hoàng	Chi	25/09/99	K62TYA	7	6	5.66	
5	621929	Quản Văn	Công	13/07/98	K62KHMTA	9	5.5	5.88	
6	623097	Nguyễn Đình	Dũng	04/05/99	K62TYB	6	5	V	
7	623283	Mạc Thu	Dương	01/10/99	K62TYD	9	5	5.98	
8	620277	Trần Tuấn	Đạt	30/10/99	K62CNTYB	8	5	5.66	
9	621934	Trần Văn	Đăng	02/10/99	K62KHMTA	8	5.5	4.88	
10	620282	Nguyễn Văn	Đoạt	21/10/99	K62CNTYB	10	8	6.56	
11	621667	Lý Thu	Hà	28/06/99	K62CGCT	10	6.5	5.4	
12	621863	Trần Thị	Hạnh	01/10/99	K62KHMTA	10	8.5	6.68	
13	621865	Trần Thanh	Hào	20/10/99	K62KHMTA	8	5.5	V	
14	621862	Nguyễn Thu	Hằng	05/12/99	K62KHMTA	7	5	5.68	
15	623297	Nguyễn Thế	Hậu	04/04/98	K62TYE	8	5.5	5.66	
16	620750	Phùng Minh	Hiếu	02/03/99	K62CNTPA	6	V	V	
17	623495	Nguyễn Thị	Hoa	01/06/99	K62TYG	10	6	5.46	
18	621748	Trịnh Thị	Hoài	07/10/99	K62CGCT	10	5	5.14	
19	621361	Nguyễn Thị Ngọc	Hoan	28/04/99	K62KEA	9	3.5	6.04	
20	620766	Nguyễn Văn	Khánh	08/12/99	K62CNTPA	10	5.5	6.36	
21	623312	Phan	Lanh	07/09/98	K62TYE	9	6	6.78	
22	623219	Nguyễn Thị Bích	Liên	11/11/99	K62TYD	9	5.5	4.12	
23	620211	Đào Thị Thùy	Linh	18/12/99	K62CNTYB	9	5	4.82	
24	623423	Nguyễn Thị	Linh	07/08/99	K62TYF	8	4.5	5.24	
25	622161	Nguyễn Thùy	Linh	20/01/99	K62QLKT	8	5	5.72	
26	620775	Trần Phương	Linh	14/05/99	K62QLTP	7	V	V	
27	620217	Ngô Thị	Loan	24/12/99	K62CNTYB	9	6	6.2	
28	623515	Bùi Quang	Lộc	22/11/99	K62TYG	10	3.5	6.08	
29	622164	Vũ Thị Hồng	Lý	04/04/99	K62KTA	9	6.5	4.56	
30	623432	Nguyễn Tiến	Mạnh	08/10/99	K62TYF	9	3.5	5.32	
31	620164	Vũ Đình	Mạnh	07/06/99	K62CNTYA	6	V	V	
32	623332	Ngô Đức	Nam	16/05/95	K62TYE	9	7	5.88	
33	623438	Lê Minh	Ngọc	22/09/99	K62TYF	7	V	V	
34	623439	Lê Thị Bích	Ngọc	18/06/99	K62TYF	9	6	6.12	
35	623243	Nguyễn Ngọc	Quý	18/08/99	K62TYD	10	6	5.92	
36	620180	Nguyễn Quang	Quyển	10/12/99	K62DDTAA	10	4.5	5.72	
37	622544	Lương Văn	Thanh	12/01/99	K62BHST	9	3.5	5.6	
38	621907	Nguyễn Công Khánh	Thành	17/12/99	K62KHMTA	9	5	5.2	

39	623645	Đỗ Thị	Thắm	25/02/99	K62TYH	9	5.5	5.92	
40	620709	Trần Thị Minh	Thu	24/11/99	K62CNSTHA	8	4	5.92	
41	623045	Bùi Xuân	Thủy	28/06/99	K62TYB	7	5.5	4.92	
42	623355	Phạm Thị Thương	Thương	28/11/99	K62TYE	8	6	5.24	
43	630005LT	Bùi Thị	Tính	09/05/95	K63LTQLDD	8	V	V	
44	621914	Thạch Đăng	Toàn	01/01/99	K62KHMTA	9	4.5	V	
45	620171	Lê Văn	Triều	21/07/99	K62CNTYA	9	5.5	5.56	
46	621718	Nguyễn Đức	Trung	05/02/99	K62CGCT	7	V	V	
47	630006LT	Nguyễn Anh	Tuấn	25/06/94	K63LTQLDD	9	8	5.96	
48	621920	Vũ Minh	Tuấn	26/05/99	K62KHMTA	9	6	5.28	
49	623367	Lường Thị	Viện	03/03/99	K62TYE	9	3.5	5.92	

Số sinh viên trong danh sách: 49

Trưởng bộ môn

(Ký và ghi rõ họ tên)

, Ngày tháng năm

Giảng viên giảng dạy

(Ký và ghi rõ họ tên)